

Bản án số: 478/2020/HS-PT

Ngày: 20/8/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tô Ngọc;

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên;

Ông Phạm Công Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phương, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 132/2020/TLPT-HS ngày 14 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Lê Quyết Th do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2020/HS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Lê Quyết Th; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 18 tháng 4 năm 1979 tại Nam Định. Nơi cư trú: 88/2C đường số 5, Phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: nguyên Nhân viên tổng công ty cổ phần Bảo Minh (Bảo Minh Chợ Lớn). Con ông Lê Phúc H và bà Đỗ Thị L. Bị cáo có vợ và 02 con (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2011). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo tại ngoại có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát và nội dung bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Bảo Minh Chợ Lớn (địa chỉ: 81 Cao Th, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh) thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, được thành lập theo giấy phép điều chỉnh số 27/GPĐC2/KDBH, ngày 30/3/2005 của Bộ Tài Chính, có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, tài khoản riêng; chuyên ngành hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo hiểm, chế độ hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Bảo Minh, với tỷ lệ

nguồn vốn: 51% vốn Nhà nước, 49% vốn góp của các cổ đông.

Ngày 14/3/2008, Lê Quyết Th được Công ty Bảo Minh Chợ Lớn tuyển dụng vào làm nhân viên Phòng khai thác bảo hiểm số 22 của Công ty, đến ngày 10/3/2016 được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó trưởng phòng, Phòng khai thác số 22 (thời hạn 01 năm), ngày 15/3/2017 được tiếp tục bổ nhiệm lại giữ chức vụ Phó trưởng phòng, Phòng khai thác số 22 (thời hạn 03 năm, kể từ ngày 10/3/2017), với nhiệm vụ cụ thể: Khai thác khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức cần mua các loại hình bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm phi nhân thọ,... theo quy trình: Th giới thiệu với khách hàng loại hình bảo hiểm, phương thức tham gia (giá trị sản phẩm, mức bảo hiểm, mức phí,...) và cung cấp thông tin khách hàng cho bộ phận nghiệp vụ lập dự thảo hợp đồng bảo hiểm, khi tiến hành ký kết, Th báo bộ phận văn phòng in hợp đồng chính thức trình ban Giám đốc Công ty ký, số hợp đồng và sổ theo dõi do Th (khai thác viên) tự quản lý theo phòng. Hợp đồng được lập thành 3 bản: 1 bản giao cho khách hàng; 1 bản lưu phòng kế toán (khi giao nộp tiền thu từ khách hàng); 1 bản Th lưu giữ. Khách hàng nộp phí trực tiếp cho Th hoặc chuyển khoản đến tài khoản Công ty. Hóa đơn thu tiền được in thành tập, do phòng kế toán Công ty cấp phát cho khai thác viên, mỗi hóa đơn có 3 liên (liên 1: bản chính, được lưu lại cùi sổ; liên 2: hóa đơn GTGT (đóng dấu Công ty): giao khách hàng; liên 3: giao phòng kế toán khi Th nộp lại tiền thu), giữa các liên là giấy than nên tất cả các liên của một hóa đơn có nội dung như nhau.

Ngày 30/11/2016, Công ty TNHH SX Thương mại Tín Hưng (địa chỉ: số 92-101/6 Bis Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh) ký Hợp đồng mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc mở rộng bảo hiểm mọi rủi ro số PFA/01203560, tài sản được bảo hiểm trị giá 04 tỷ đồng; mức phí: 9.625.000 đồng (bút lục: 587, 588, 598). Với ý định chiếm đoạt số tiền phí này, khi viết hóa đơn số 0218688 cho Công ty Tín Hưng, Th không viết in xuống liên 3, mà dành liên 3 hóa đơn này để ghi thu từ khách hàng khác, là Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC với số tiền ít hơn (740.571đồng), sau đó nộp liên 3 kèm hợp đồng mua bảo hiểm của Công ty OPC về Công ty. Sự việc bị phát hiện khi Công ty Tín Hưng gửi thông báo (bút lục: 596) đến Công ty Bảo Minh Chợ Lớn đề nghị chi trả tiền bảo hiểm đối với vụ cháy xảy ra ngày 23/6/2017 tại kho Bến Súc (số 01 Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh). Tuy nhiên, trên hệ thống quản lý thể hiện không có thông tin khách hàng là Công ty Tín Hưng, mà số hợp đồng và hóa đơn này tên khách hàng Công ty CP Dược phẩm OPC. Lê Quyết Th thừa nhận có tiến hành thủ tục ký hợp đồng bán bảo hiểm cháy nổ bắt buộc mở rộng bảo hiểm mọi rủi ro với Công ty TNHH SX TM Tín Hưng nhưng không nộp tiền thu, liên 3 hóa đơn và hợp đồng bảo hiểm về Công ty. Ngoài hợp đồng này, từ tháng 5/2016 đến tháng 6/2017, Th còn lập 39 hợp đồng bảo hiểm với nhiều khách hàng khác nhưng không nộp tiền về, chiếm đoạt của Công ty Bảo Minh Chợ Lớn tổng cộng: 270.751.259 đồng, với 2 phương thức, cụ thể:

Cách thứ nhất: Khi tiến hành ký kết hợp đồng chính thức với khách hàng, Lê Quyết Th thu đúng số tiền thể hiện trên hợp đồng, nhưng chỉ viết hóa đơn in trên liên thứ 2 và xuất liên này giao khách hàng, Th không giao nộp về Công ty số tiền thu được và sử dụng liên 3 hóa đơn này ghi thu của các khách hàng khác

với số tiền ít hơn, sau đó giao nộp số tiền theo thể hiện tại liên 3 về Công ty để nhập số liệu trên hệ thống quản lý. Bằng phương thức này, Th chiếm đoạt tổng cộng: 229.723.459 đồng trên liên 2/29 hóa đơn thu của 17 khách hàng. Do liên 2 là liên giấy than được hiển thị sau khi ghi trên liên 1, nên khi ghi số tiền ít hơn tại liên 1 Th sử dụng liên 2 hóa đơn khác ghi đè lên. Riêng tổng số tiền thu từ các khách hàng thể hiện trên các liên 3 trùng số với liên 2 của 29 hóa đơn nêu trên là 47.116.335 đồng, Th giao nộp đủ, trong đó, 18 hóa đơn ghi tổng số tiền thu 45.020.892 đồng là có khách hàng thật, 11 hóa đơn ghi thu 2.095.443 đồng là khách hàng không.

Cách thứ hai: Đối với khách hàng không cần nhận hóa đơn thu tiền (thường là khách hàng cá nhân), Th cung cấp cho khách hàng hợp đồng bảo hiểm, thu số tiền đúng như nội dung thể hiện trên hợp đồng nhưng giữ lại toàn bộ hóa đơn, tiền thu, hợp đồng mà không giao nộp về Công ty. Với cách này, Th đã chiếm đoạt tổng cộng 41.027.800 đồng/11 hợp đồng.

Ngày 23/6/2017, ngay khi sự việc bị phát hiện, Lê Quyết Th và Lãnh đạo Công ty Bảo Minh Chợ Lớn, Phòng kết toán Công ty tiến hành đối chiếu, rà soát hợp đồng với số tiền Th chiếm đoạt và báo cáo đến Tổng công ty Bảo Minh. Đồng thời, báo cáo Cục thuế TP.Hồ Chí Minh, tiến hành kê khai nộp thuế bổ sung đối với số hóa đơn sai phạm. Ngày 10/4/2018, Công ty Bảo Minh Chợ Lớn có Đơn tố giác gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Hồ Chí Minh về việc Lê Quyết Th chiếm đoạt tổng số tiền 270.751.259 đồng/40 hợp đồng bảo hiểm.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Quyết Th khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên và giao nộp toàn bộ số tiền 270.751.259 đồng trước khi khởi tố vụ án.

Kết luận giám định số 1167/KLGD-TT ngày 27/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Chữ ký mang tên "Quyết Th" trên 86 tài liệu cần giám định (hóa đơn liên 1, 2, 3) và chữ viết họ tên "Quyết Th" so với chữ ký, chữ viết của Lê Quyết Th trên tài liệu so sánh là do cùng một người ký và viết ra; Hình dấu tròn có nội dung " S.G.P:27-C.T.C.P-CÔNG TY BẢO MINH CHỢ LỚN TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH-QUẬN 3-TP.HỒ CHÍ MINH" trên 86 tài liệu cần giám định (hóa đơn, hợp đồng) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh và hình dấu thu tại công ty Bảo Minh Chợ Lớn do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản cáo trạng số 119/CTr-VKSTC-P3 ngày 13/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Quyết Th về tội "Tham ô tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 353 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với ông Trịnh Minh Đ, giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Minh; bà Cao Thị Thoa, kế toán trưởng, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xác định những người này tuy thực hiện đúng quy trình theo dõi việc phát hành hợp đồng và quản lý hóa đơn từ giai đoạn cấp phát ban đầu đến khi quyết toán để cấp phát quyền thay thế, nhưng đã thiếu kiểm tra, kiểm soát hợp đồng thu về so với số hợp đồng phát hành ra dẫn đến việc Lê Quyết Th sử dụng hợp đồng phát hành

hợp lệ của Công ty để giao dịch, thu tiền khách hàng nhưng không giao nộp Công ty hoặc trao liên 2 của hóa đơn này để sử dụng cho hợp đồng khác với số tiền thu phí ít hơn. Tuy nhiên, ngay sau khi phát hiện Lê Quyết Th đã giao nộp ngay toàn bộ số tiền chiếm đoạt, xem như hậu quả đã được khắc phục. Ngoài hợp đồng bảo hiểm với Công ty Tín Hưng đang giai đoạn thẩm định mức thiệt hại, còn lại 39 hợp đồng bảo hiểm phát sinh liên quan đến hành vi chiếm đoạt của Lê Quyết Th đã hết hạn và không có yêu cầu bồi thường bảo hiểm. Do vậy, chưa đến mức xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Trịnh Minh Đ, bà Cao Thị Th.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2020/HS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 353 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; **Điều 54** Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Lê Quyết Th 04 (bốn) năm tù về tội “ Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/3/2020, bị cáo Lê Quyết Th có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Quyết Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm của mình và ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện khắc phục mọi hậu quả, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt luôn chấp hành chính sách, pháp luật, được Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam phường 17, Gò Vấp biểu dương người tốt việc tốt, cha mẹ là người có công với cách mạng, cha là thương binh, Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm a, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Quyết Th làm trong hạn luật định, đề nghị xem xét giải quyết theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, đây là trường hợp phạm tội có tính chất nghiêm trọng.

Xét kháng cáo của bị cáo Lê Quyết Th: Lời khai nhận của bị cáo Lê Quyết Th tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội tham ô tài sản, tổng số tiền

bị cáo đã chiếm đoạt là 270.751.259 đồng; Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên là có cơ sở.

Bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Quyết Th làm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thái Nguyên Hội đồng xét xử nhận định:

Lời khai nhận của bị cáo Lê Quyết Th tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội tham ô tài sản, tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 270.751.259 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội tham ô tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự đúng người, đúng tội, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về các tình tiết giảm nhẹ: cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; và áp dụng khoản 1 **Điều 54** Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo yêu cầu áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm a, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Mức hình phạt 04 năm tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên là dưới khung hình được áp dụng, tương xứng với tính chất, hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo. Không có căn cứ nào để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Quyết Th; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 353 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; **Điều 54** Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Lê Quyết Th 04 (bốn) năm tù về tội “ Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Án phí: Bị cáo Lê Quyết Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Yên

Phạm Công Mười

Phan Tô Ngọc

Nơi nhận:

- VKSNDCC Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THAHS- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- CA TP Hồ Chí Minh;
- Bị cáo (theo đc);
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Tô Ngọc

